

Dạy Hành Lễ Salah

[Tiếng Việt – Vietnamese – فيتناي]

Tiến sĩ Abdullah bin Ahmad bin Aly bin Al-
Zaid

Dịch Thuật

Abu Hisaan Ibnu Ysa

2012 - 1433

IslamHouse.com

﴿ تعليم الصلاة ﴾

« باللغة الفيتنامية »

د. عبد الله بن أحمد بن علي الزيد

ترجمة: محمد زين بن عيسى

2012 - 1433

IslamHouse.com

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Lời Nói Đầu Của Lần In Thứ Hai

الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ وَالصَّلَاةُ وَالسَّلَامُ عَوَّ أَشْرَفِ الْأَنْبِيَاءِ
وَالْمُرْسَلِينَ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِهِ وَصَحْبِهِ أَجْمَعِينَ، أَمَّا بَعْدُ:

Alhamdulillah, mọi lời ca ngợi và tạ ơn đều kính dâng Allah Đấng chúa tể của vũ trụ, cầu xin Ngài ban bình an và phúc lành đến cho vị Rasul cao quý nhất trong tất cả Nabi và Rasul, Nabi của bầy tôi Muhammad, cho dòng dõi của Người và tất cả bằng hữu của Người, sau nữa:

Đây là lần tái bản thứ hai của quyển sách “*Đạy Hành Lễ Salah*”, Alhamdulillah tạ ơn Allah quyển sách đã được rất nhiều độc giả nhiệt tình đọc và chấp nhận. Ngày nay, quyển sách đông đảo người biết đến là do được dịch sang rất nhiều ngôn ngữ khác nhau như tiếng Jordan, tiếng Ba Tư, tiếng Nga, tiếng Albania, tiếng Bengali và hiện đang được yêu cầu chuyển ngữ sang nhiều loại ngôn ngữ khác nữa. Sở dĩ quyển sách được vinh dự này là do Allah duy nhất ban cho quyển sách được hữu dụng.

Điểm nổi bật của quyển sách nhỏ này là loại bỏ hoàn toàn mọi ý kiến bất đồng, tranh cãi của U'lama học giả Islam. Quyển sách chỉ dựa vào những bằng

Đạy Hành Lễ Salah

chúng Saheeh thiết thực từ Qur'an và Sunnah miêu tả lại sự hành lễ Salah của Nabi ﷺ tựa như thấy được Người trực tiếp giảng dạy vậy.

Trong lần tái bản này, quyển sách thêm lần nữa được xem xét, được duyệt lại và được thêm vài chương quan trọng, cuối cùng quyển sách được đánh máy lại mới.

Cầu xin Allah ban hũu dụng cho quyển sách, xin hãy biến nó thành một việc hành đạo dành riêng cho Ngài. Quả thật, Ngài luôn am tường mọi việc. Cầu xin bình an và phúc lành cho vị Nabi của bầy tôi Muhammad, cho dòng dõi và tất cả bằng hữu của Người.

Al-Riyadh ngày 01/Rajab/1420 Hijrah
Tiến sĩ Abdullah bin Ahmad bin Aly bin
Al-Zaid

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Lời Nói Đầu Của Lần In Thứ Nhất

الْحَمْدُ لِلَّهِ وَحْدَهُ، وَالصَّلَاةُ وَالسَّلَامُ عَلَى رَسُولِ اللَّهِ، مُحَمَّدِ بْنِ عَبْدِ اللَّهِ ﷺ، أَمَّا بَعْدُ:

Mọi lời ca ngợi, tạ ơn đều kính dâng Allah Duy Nhất, cầu xin Ngài ban bình an và phúc lành đến cho Rasul của Allah, Muhammad bin Abdullah ﷺ, sau nữa:

Tôi đã được yêu cầu rất nhiều lần về việc viết một quyển sách chỉ nói về Rukun (nền tảng) thứ hai trong năm Rukun của Islam, đó là hành lễ Salah, bởi đây là Rukun quan trọng nhất của Islam, nếu viết xong quyển sách rất phù hợp với việc chuyển sang nhiều ngôn ngữ khác. Với gợi ý đó mà tôi quay lại dựa vào những quyển sách trước do tôi viết để rút ra những chủ đề liên quan đến Salah. Bởi những quyển sách trước mỗi quyển là một chủ đề riêng biệt, từ đó tôi đúc kết được một quyển sách ngắn gọn phù hợp với người mới bắt đầu tìm hiểu cách hành lễ Salah. Quyển sách được dẫn chứng từ Qur'an và Sunnah Saheeh, bên cạnh đó bỏ hẳn mọi vấn đề có sự bất đồng ý kiến của giới U'lama học giả Islam nhằm có được quyển sách nhỏ gọn nhưng đầy đủ mọi vấn đề cần thiết quan trọng và dễ dàng chuyển sang nhiều ngôn ngữ khác. Cầu xin

Đạy Hành Lễ Salah

Allah ban hũu dụng cho quyền sách, quả thật Ngài nghe thầu và đắp lại lời thỉnh cầu.

Al-Riyadh ngày 01/Al-Muharram/1414 Hijrah

Tiền sĩ Abdullah bin Ahmad bin Aly bin Al-Zaid

Lời Mở Đầu

Được truyền lại từ một Hadith Saheeh, Rasul ﷺ đã nói rằng:

((بُيِّئَ الْإِسْلَامُ عَلَى خَمْسٍ: شَهَادَةٌ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللَّهِ وَإِقَامُ الصَّلَاةِ وَإِيتَاءُ الزَّكَاةِ وَصَوْمُ رَمَضَانَ وَحَجُّ الْبَيْتِ إِنْ اسْتَطَعْتَ إِلَيْهِ سَبِيلًا))

“Islam được xây dựng trên năm nền tảng: lời tuyên thệ La i la ha il lol loh và Muhammad là Rasul của Allah, dâng lễ Salah, xuất Zakat bắt buộc, nhịn chay tháng Ramadan và hành hương (Haj) tại ngôi đền Ka'bah dành cho người có khả năng.”⁽¹⁾

Trong Hadith cao quý này hàm chứa năm Rukun (nền tảng) của Islam, như:

❁ Rukun (nền tảng) thứ nhất:

((شَهَادَةٌ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَنَّ مُحَمَّدًا رَسُولُ اللَّهِ))

“Lời tuyên thệ La i la ha il lol loh và Muhammad là Rasul của Allah”

⁽¹⁾ Hadith do Al-Bukhary 1/9 (8) và Muslim 1/34 (16 & 21) ghi lại.

Ý nghĩa câu: “Lời tuyên thệ La i la ha il lol loh” là không có Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng ngoại trừ Allah duy nhất.

Câu “*không có Thượng Đế nào xứng đáng*” là phải phủ nhận hết tất cả mọi thần linh, đất đá, cây cối, bụt tượng...v...v... được tôn thờ ngoài Allah.

Và câu “*ngoại trừ Allah duy nhất*” là đỉnh đỉnh khẳng định sự tôn thờ, việc hành đạo chỉ dành riêng cho Allah không chút thay đổi, như Allah phán:

﴿شَهِدَ اللَّهُ أَنَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ وَالْمَلَائِكَةُ وَأُولُو الْعِلْمِ قَائِمًا بِالْقِسْطِ لَا إِلَهَ

إِلَّا هُوَ الْعَزِيزُ الْحَكِيمُ ﴿١٨﴾ آل عمران: ١٨

﴿Allah, các Thiên Thần và những người hiểu biết luôn duy trì nền công lý đồng xác nhận rằng không có Thượng Đế nào khác mà chỉ có Allah. Không có Thượng Đế nào khác mà chỉ có Ngài, Đấng Toàn Năng, Đấng Rất Mực Sáng Suốt.﴾ Ali Imraan: 18 (chương 3).

Yêu cầu của “Lời tuyên thệ La i la ha il lol loh” là phải công nhận ba điều:

Thứ nhất: Tawhid Al-Uluhiyah: Là hướng tất cả mọi sự hành đạo, thờ phụng vì Allah duy nhất. Tuyệt đối không được thay đổi mục tiêu thờ phụng vì bất cứ ai khác ngoài Ngài. Đây chính là mục đích mà Allah tạo hóa ra loài người, như được phán:

﴿وَمَا خَلَقْتُ الْجِنَّ وَالْإِنْسَ إِلَّا لِيَعْبُدُونِ﴾ ﴿٥٦﴾ الذاريات: ٥٦

﴿Và TA (Allah) không tạo hóa ra loài Jin và loài người ngoại trừ để tôn thờ TA.﴾ Al-Zariyat: 56 (chương 51). Và cũng chính Ngài đã cử phái Rasul và ban cho mỗi Người một quyển Kinh Sách, Allah phán:

﴿وَلَقَدْ بَعَثْنَا فِي كُلِّ أُمَّةٍ رَسُولًا أَنِ اعْبُدُوا اللَّهَ وَاجْتَنِبُوا الطَّاغُوتَ﴾ ﴿النحل:

٣٦

﴿Và chắc chắn TA đã cử phái cho mỗi cộng đồng một vị Thiên Sứ (với mệnh lệnh): “Hãy thờ phụng Allah (duy nhất) và tránh xa Taa-ghoot (Tà Thần).”﴾ Al-Nahl: 36 (chương 16)

Shirk (sự tổ hợp) là kẻ thù của Tawhid, bởi một khi Tawhid mang ý nghĩa “*hướng tất cả mọi sự hành đạo, thờ phụng vì Allah duy nhất*” thì Shirk lại “*hướng một hoặc nhiều hơn việc hành đạo đến những kẻ khác ngoài Allah.*” Trong những việc thay đổi mục tiêu hành đạo đến các thần linh khác là hướng lễ Salah hoặc nhịn chay hoặc lời cầu xin hoặc lời nguyện cầu hoặc vật giết tế hoặc van vái người chết hoặc bất cứ việc hành đạo đến ai khác ngoài Allah. Ai có chủ định này là y đã phạm tội Shirk. Và Shirk là đại trọng tội, nó xóa bỏ hết tất cả mọi việc hành đạo tốt đẹp trước kia.

Thứ hai Tawhid Al-Rububiyah: Là sự hài lòng chấp nhận Allah là Đấng duy nhất đã tạo hóa vạn vật, là Đấng Ban Phát bổng lộc, là Đấng ban sự sống và

cái chết, là Đấng Quản Lý vũ trụ, Đấng có vương quyền trị vì tất cả các tầng trời và đất. Đây cũng chính là sự hài lòng trong nguyên thủy của mỗi con người, bởi Allah đã tạo họ ra từ đó. Ngay cả quân chúng Đa Thần ở thời Nabi ﷺ đều hài lòng công nhận không hề chống đối, Allah phán:

﴿قُلْ مَنْ يَرْزُقُكُمْ مِنَ السَّمَاءِ وَالْأَرْضِ أَمْ مَنْ يَمْلِكُ السَّمْعَ وَالْأَبْصَارَ وَمَنْ يُخْرِجُ الْحَيَّ مِنَ الْمَيِّتِ وَيُخْرِجُ الْمَيِّتَ مِنَ الْحَيِّ وَمَنْ يُدَبِّرُ الْأَمْرَ فَسَيَقُولُونَ اللَّهُ فَقُلْ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٣١﴾﴾ (يونس: 31)

﴿**Hãy hỏi họ: “Ai cấp dưỡng cho các người từ trên trời và dưới đất? Ai nắm quyền kiểm soát thính giác và thị giác của các người? Và ai đưa cái sống ra từ cái chết và đưa cái chết ra khỏi cái sống? Và quản lý điều hành mọi hoạt động của vũ trụ và vạn vật? Họ sẽ trả lời: “Allah”. Vậy hãy bảo họ: Thế các người không sợ Ngài hay sao ?**﴾ Yunus: 31 (Chương 10).

Với thể loại Tawhid này không ai chống đối, chỉ ngoại trừ một số ít người tỏ vẻ chống đối ở bề ngoài nhưng trong lòng lại thuận phục để thể hiện sự cao ngạo và tự phụ của họ, Allah phán:

﴿وَجَحَدُوا بِهَا وَاسْتَيْقَنَتْهَا أَنفُسُهُمْ ظُلْمًا وَعُلُوًّا﴾ (النمل: ١٤)

﴿Chúng đã phủ nhận nó một cách sai quấy và ngạo mạn trong khi thâm tâm chúng kiên định nó một cách chắc chắn.﴾ Al-Naml: 14 (Chương 27).

Thứ ba Tawhid Al-Asma và Al-Sifat: Là niềm tin vào những gì Allah đã tự miêu tả hoặc do chính Rasul ﷺ miêu tả về Ngài về các Đại Danh & Tính Cách của Ngài. Chỉ được phép xác định dựa trên mặt đúng, mặt xứng đáng thuộc về Allah Đấng Cao Thượng, Đấng Vinh Quang, không suy luận, không thí dụ, không so sánh, Allah phán:

﴿وَلِلَّهِ الْأَسْمَاءُ الْحُسْنَىٰ فَادْعُوهُ بِهَا﴾ (الأعراف: 180)

﴿Allah có các Đại Danh tốt đẹp nhất. Do đó, hãy cầu xin Ngài với các Đại Danh đó.﴾ Al-A'raaf: 180 (Chương 7), Allah phán ở chương khác:

﴿لَيْسَ كَمِثْلِهِ شَيْءٌ وَهُوَ السَّمِيعُ الْبَصِيرُ﴾ الشورى: ١١

﴿Không một có cái gì giống Ngài cả. Trong khi Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.﴾ Al-Shura: 11 (chương 42).

Vì vậy, để công nhận không có bất cứ thần linh hay Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng ngoài trừ Allah duy nhất, bắt buộc phải thể hiện bề ngoài lẫn bên trong dựa theo ba yêu cầu vừa phân tích trên. Một ai nói lời tuyên thệ và hiểu rõ ý nghĩa, đồng thời chấp nhận trong lòng và thể hiện ra ngoài việc tôn thờ Allah

duy nhất và phủ nhận mọi tính đa thần khác thì y đã là một người Muslim chân chính. Còn ai nói lời tuyên thệ và thể hiện bề ngoài là một người chấp nhận nhưng trong lòng lại bất bỏ thì y là kẻ Munaafiq (tên đạo đức giả, kẻ ngụy Islam), còn ai nói lời tuyên thệ nhưng lại làm trái ngược với yêu cầu thì y là Kafir (người ngoại đạo) cho dù y có nói lời tuyên thệ bao nhiêu lần.

Ý nghĩa câu “Muhammad là Rasul của Allah” là hết lòng tin tưởng sứ mạng của Nabi Muhammad ﷺ là do chính Allah mặc khải, tuân lệnh theo sắc lệnh của Người, tránh xa mọi điều Người cấm và chỉ hành đạo tôn thờ Allah theo khuôn khổ được Người truyền đạt di huấn, như Allah phán:

﴿لَقَدْ جَاءَكُمْ رَسُولٌ مِّنْ أَنفُسِكُمْ عَزِيزٌ عَلَيْهِ مَا عَنِتُّمْ حَرِيصٌ عَلَيْكُمْ

بِالْمُؤْمِنِينَ رَءُوفٌ رَّحِيمٌ ﴿١٢٨﴾ سورة التوبة: 128

﴿**Quả thật, một Rasul xuất thân từ các người đã đến với các người, Y buồn rầu vì thấy các người đau khổ và hết sức lo lắng cho các người, Y luôn thương xót cho những người tin tưởng.**﴾ Al-Tawbah: 128 (chương 9), Allah phán ở chương khác:

﴿مَنْ يُطِيعِ الرَّسُولَ فَقَدْ أَطَاعَ اللَّهَ﴾ (سورة النساء: 80)

﴿**Ai vâng lời Sứ giả của Ngài thì coi như đã tuân lệnh Allah.**﴾ Al-Nisa: 80 (chương 4), Allah phán ở chương khác:

﴿وَأَطِيعُوا اللَّهَ وَالرَّسُولَ لَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ ﴿٣٢﴾﴾ آل عمران: 132

﴿Các người hãy tuân phục Allah và Rasul (Muhammad) để mong rằng cho các người được thương xót (cứu rỗi).﴾ Ali I'mraan: 132 (chương 3), Allah phán ở chương khác:

﴿مُحَمَّدٌ رَسُولُ اللَّهِ وَالَّذِينَ مَعَهُ أَشِدَّاءُ عَلَى الْكُفَّارِ رُحَمَاءُ بَيْنَهُمْ﴾ الفتح: ٢٩

﴿Muhammad là Rasul của Allah, và những người (có đức tin) theo Y rất nghiêm khắc với những kẻ không có đức tin nhưng lại rất thương yêu lẫn nhau.﴾ Al-Fat-h: 29 (Chương 48)

Rukun (nền tảng) thứ hai và thứ ba:

((وَإِقَامَ الصَّلَاةِ وَإِيتَاءَ الزَّكَاةِ))

“dâng lễ Salah, xuất Zakat bắt buộc” Allah phán:

﴿وَمَا أَمَرُوا إِلَّا لِيَعْبُدُوا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ حُنَفَاءَ وَيُقِيمُوا الصَّلَاةَ وَيُؤْتُوا

الزَّكَاةَ وَذَلِكَ دِينُ الْقِيَمَةِ ﴿٥﴾﴾ البينة: ٥

﴿Và họ được lệnh chỉ phải thờ phụng riêng Allah, triệt để thuần phục Ngài một cách chính trực rồi dâng lễ Salah một cách chu đáo và xuất tiền thuế Zakat. Đây là một tôn giáo đúng đắn﴾ Al-Baiyinah: 5 (chương 98), Allah phán ở chương khác:

﴿وَأَقِيمُوا الصَّلَاةَ وَآتُوا الزَّكَاةَ وَارْكَعُوا مَعَ الرَّكْعِينَ﴾ البقرة: ٤٣

﴿Và hãy dâng lễ Salah một cách chu đáo, đóng Zakat bắt buộc và hãy cúi lạy cùng với tập thể (trong các Masjid)﴾ Al-Baqarah: 43 (chương 2).

Hành lễ Salah là chủ đề của quyển sách sẽ được nói tỉ mỉ ở phần sau.

Còn Zakat là việc bắt buộc người giàu có phải chi một phần trong số tài sản sở hữu khi đã đủ điều kiện do giáo lý ấn định, rồi mang phân phát lại cho người nghèo và vài thể loại người khác (cũng do giáo lý ấn định). Đây là một Rukun (nền tảng) vĩ đại của Islam. nếu mỗi tín đồ Muslim đã làm đúng bổ phận là đã góp phần làm cho xã hội Islam phồn vinh và hưng thịnh, đồng thời đã xua đuổi được kẻ thù nghèo đói và kẻ thù dốt nát. Việc làm này thể hiện lên câu lá lành đùm lá rách, chung tay nhau vượt khó khăn.

Rukun (nền tảng) thứ tư:

((وَصَوْمَ رَمَضَانَ))

“nhịn chay tháng Ramadan” Allah phán:

﴿يَأْتِيهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا كُتِبَ عَلَيْكُمُ الصِّيَامُ كَمَا كُتِبَ عَلَى الَّذِينَ مِن

قَبْلِكُمْ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿۱۸۳﴾ البقرة: 183

﴿Hỡi những người có đức tin! (Allah) đã truyền xuống sự nhịn chay bắt buộc các người cũng như những thế hệ trước các người phải nhịn hồng (rèn luyện các người) trở thành người biết kính sợ (TA).﴾
Al-Baqarah: 183 (chương 2).

Rukun (nền tảng) thứ năm:

((وَحَجَّ الْبَيْتِ إِنِ اسْتَطَعْتَ إِلَيْهِ سَبِيلًا))

“hành hương (Haj) tại ngôi đền Ka'bah dành cho người có khả năng.” Allah phán:

﴿وَلِلَّهِ عَلَى النَّاسِ حِجُّ الْبَيْتِ مَنِ اسْتَطَاعَ إِلَيْهِ سَبِيلًا وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ أَلَّهَ

عَنِّي عَنِ الْعَالَمِينَ ﴿۹۷﴾ آل عمران: 97

﴿Và việc đi làm Haj (hành hương) dâng lên Allah tại ngôi đền (Ka'bah) là bổn phận đối với người nào trong nhân loại hội tụ đủ khả năng thì hãy tìm đến đây (hành hương). Còn ai phủ nhận việc hành hương thì y là kẻ phản đạo, quả thật Allah rất giàu có không cần đến nhân loại﴾ Ali I'mraan: 97 (chương 3).

Tâm Quan Trọng Của Lễ Salah

Những gì đã phân tích ở trên cũng giúp chúng ta hiểu được phần nào về tầm quan trọng của việc hành lễ Salah trong Islam, bởi đây là Rukun (nền tảng) thứ hai bắt buộc người Muslim phải thi hành và không được công nhận là một người Muslim chân chính cho đến hành lễ Salah đầy đủ. Riêng những ai lười hoặc lơ là việc hành lễ Salah là bản tính của bọn Munaafiq (ngụy Islam), và ai bỏ mặc không hành lễ thì y là Kafir (người ngoại đạo), kẻ lầm lạc và đã bước ra khỏi vành đai Islam, bởi Nabi ﷺ đã nói:

((بَيْنَ الرَّجُلِ وَبَيْنَ الشَّرْكِ وَالْكُفْرِ تَرْكُ الصَّلَاةِ))

“Sự khác biệt của người Muslim với người thờ đa thần và người Kafir là bỏ hành lễ Salah.” Hadith do Muslim ghi lại. Nabi ﷺ nói ở Hadith khác:

((الْعَهْدُ الَّذِي بَيْنَنَا وَبَيْنَهُمُ الصَّلَاةُ فَمَنْ تَرَكَهَا فَقَدْ كَفَرَ))

“Điểm phân biệt giữa chúng ta và họ (người ngoại đạo) là dưng lễ Salah. Ai bỏ nó thì người đó là kẻ ngoại đạo.” Hadith do Imâm Ahmad và nhóm Ahlus Sunan ghi lại bằng đường truyền đúng.

Hành lễ Salah là rường cột và là đầu não của Islam, là mối quan hệ giữa bề tôi với Thượng Đế như được Nabi ﷺ nói:

((إِنَّ أَحَدَكُمْ إِذَا صَلَّى يُنَاجِي رَبَّهُ))

“Quả thật, khi các người đứng hành lễ Salah là các người đang nói chuyện riêng với Thượng Đế mình.” Hadith do Al-Bukhary ghi lại.

Hành lễ Salah là cách thể hiện tình thương của một bề tôi đối với Allah và là cách để tạ ơn hồng phúc của Ngài dành cho y. Hành lễ Salah có vị trí quan trọng nhất đối với Allah, là nhiệm vụ đầu tiên Ngài bắt buộc Nabi Muhammad ﷺ đảm nhận ngay trong đêm Al-Me'raaj (thăng thiên lên trời). Có lần ông Abdullah bin Mas-u'd ﷺ kể hỏi việc hành đạo nào được Allah yêu thích nhất? Thì được Nabi ﷺ đáp:

((الصَّلَاةُ عَلَى وَقْتِهَا))

“Hành lễ Salah đúng giờ giấc đã định.” Hadith do Al-Bukhary và Muslim ghi lại.

Allah dùng lễ Salah để tẩy sạch tội lỗi như được nhắc ở Hadith:

((أَرَأَيْتُمْ لَوْ أَنَّ نَهْرًا بِيَابِ أَحَدِكُمْ يَغْتَسِلُ مِنْهُ كُلَّ يَوْمٍ خَمْسَ مَرَّاتٍ، هَلْ يَبْقَى مِنْ دَرْنِهِ شَيْءٌ؟))

“Các người nghĩ sao nếu ngay trước cửa nhà của các người có một sông chảy và các người xuống tắm mỗi ngày năm lần, vậy trên cơ thể các người còn bị dơ

bản không ?” Sahabah đáp: Không còn bị dơ bản gì cả. Người tiếp:

((فَدَلِكْ مَثَلِ الصَّلَوَاتِ الْحَمِيسِ يَمْحُو اللَّهُ بِهِنَّ الْخَطَايَا))

“Điều đó giống như lễ Salah ngày năm lần, Allah dùng để xóa đi tội lỗi.” Hadith do Al-Bukhary và Muslim ghi lại.

Có Hadith do ông Anas رضي الله عنه kể: “Lời căn dặn cuối cùng của Rasul ﷺ trước khi lìa đời rời khỏi trần gian là khuyên cộng đồng của Người phải hết lòng kính sợ Allah mà hành lễ Salah đàng hoàng và (cư xử tốt với) những nô lệ sở hữu trong tay.” Hadith Ahmad, Al-Nasaa-y và Ibnu Maajah ghi lại.

Nhằm khẳng định thêm tầm quan trọng việc hành lễ Salah, Allah đã tôn vinh lễ Salah và người hành lễ trong Qur’an ở rất nhiều vị trí khác nhau hơn hẳn những việc hành đạo khác. Allah đã khuyên bảo riêng về việc hành lễ rằng:

﴿حَفِظُوا عَلَى الصَّلَوَاتِ وَالصَّلَاةِ الْوُسْطَىٰ وَقُومُوا لِلَّهِ قَانِتِينَ﴾ البقرة: ﴿٢٣٨﴾

238

﴿**Hãy chăm sóc và giữ vững các lễ nguyện Salah, nhất là cuộc lễ chính giữa (lễ A’sr), và hãy đứng dưng lễ trước Allah với tinh thần sùng kính hoàn toàn.**﴾ Al-Baqarah: 238 (Chương 2), Allah phán ở chương khác:

Đạy Hành Lễ Salah

﴿وَأَقِمِ الصَّلَاةَ إِنَّ الصَّلَاةَ تَنْهَى عَنِ الْفَحْشَاءِ وَالْمُنْكَرِ﴾ العنكبوت: ٤٥

﴿Và hãy dâng lễ Salah, quả thật, dâng lễ Salah ngăn cản việc làm tội lỗi, điều sàm bậy.﴾ Al-A'nkaboot: 45 (chương 29), Allah phán ở chương khác:

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا اسْتَعِينُوا بِالصَّبْرِ وَالصَّلَاةِ إِنَّ اللَّهَ مَعَ الصَّابِرِينَ﴾ البقرة: ١٥٣

﴿Này hỡi những người có đức tin, hãy cầu xin sự giúp đỡ bằng lòng kiên nhẫn và bằng lễ nguyện Salah, quả thật, Allah luôn ở bên cạnh những người kiên nhẫn﴾ Al-Baqarah: 153 (chương 2), Allah phán ở chương khác:

﴿إِنَّ الصَّلَاةَ كَانَتْ عَلَى الْمُؤْمِنِينَ كِتَابًا مَوْقُوتًا﴾ النساء: ١٠٣

﴿Bởi việc hành lễ Salah đã được truyền xuống cho những người có đức tin phải hành lễ vào giờ giấc cố định.﴾ Al-Nisa: 103 (chương 4).

Allah sẽ trừng trị thích đáng đối với những ai bê bối với việc hành lễ Salah, Ngài phán:

﴿فَخَلَفَ مِنْ بَعْدِهِمْ خَلْفٌ أَضَاعُوا الصَّلَاةَ وَاتَّبَعُوا الشَّهْوَاتِ فَسَوْفَ يَلْقَوْنَ غِيًّا﴾ مريم: ٥٩

﴿Nhưng tiếp sau họ là một hậu thế bỏ bê việc dâng lễ Salah và theo đuổi những dục vọng thấp hèn, rồi họ

sẽ phải chịu hình phạt thật đau đớn. ﴿Mar-yam: 59 (chương 19).

Trong Qur'an Allah đã phân trần rõ ràng rằng việc đầu tiên bị mang ra xét xử vào ngày tận thế và làm cho bọn ngông cuồng phải xa vào hỏa ngục đó là do bọn chúng bỏ bê việc hành lễ Salah, Ngài phán:

– 42: ﴿المدثر: ﴿٤٣﴾ قَالَوَالَمْ نَكُ مِنَ الْمُصَلِّينَ ﴿٤٤﴾ مَا سَلَكَكُمْ فِي سَقَرٍ ﴿٤٥﴾﴾

43

﴿**“Điều gì đã đưa các người vào lửa của hỏa ngục vậy?” * Chúng (những kẻ tội lỗi) sẽ đáp: “Chúng tôi là những người đã không dâng lễ Salah.”**﴾ Al-Muddaththir: 42 – 43 (chương 74).

Nabi ﷺ đã báo tin mừng cho cộng đồng Islam rằng ai hành lễ Salah Al-Fajr và Salah Al-A'sr được vào thiên đàng với câu:

((مَنْ صَلَّى الْبُرْدَيْنِ دَخَلَ الْجَنَّةَ))

“Ai hành lễ Salah Al-Bardain là đã được vào thiên đàng.” Hadith do Al-Bukhary và Muslim ghi lại. Salah Al-Bardain là Salah Al-Fajr và Salah Al-A'sr.

Lễ Salah là biểu hiệu chung của tất cả cộng đồng Islam, kể từ thời con người mới bắt đầu đến ngày tận thế, bởi hành lễ Salah thể hiện được sự qui phục Allah duy nhất đến tuyệt đối, không hề đồng đẳng với Ngài trong tôn thờ, nhằm rèn luyện bản thân thể hiện

lòng kính sợ, nương tựa, kiên nhẫn, thánh chiến và phó thác, tất cả vì Allah.

Salah là biểu hiện bề ngoài thể niềm tin thật sự của mỗi tín đồ Muslim vì Allah Đấng Chúa Tể của vũ trụ và muôn loài.

Cho nên, nhiệm vụ của mỗi tín đồ Muslim là phải thi hành đúng và đầy đủ việc hành lễ Salah theo đúng giờ giấc đã ấn định, không lơ là, không cầu thả. Nhằm thể hiện sự qui phục Allah và Rasul ﷺ và để thoát khỏi sự giận dữ của Allah và hành phạt khủng khiếp của Ngài.

Tẩy Rửa

Việc tẩy rửa bao gồm ba loại: Cơ thể, quần áo và nơi hành lễ Salah.

1) Tẩy rửa cơ thể bao gồm hai loại:

Thứ nhất: Tắm theo giáo lý, chỉ bắt buộc khi bị Junub (tức sau quan hệ tình dục, xuất tinh bằng mọi cách, đầu khát dương vật nằm gọn trong âm đạo) hoặc kết thúc chu kỳ kinh nguyệt hoặc đứt ra máu hậu sản.

Cách tắm: Người tắm cần phải định tâm tắm bắt buộc theo giáo lý rồi dùng nước xối đều lên cơ thể không được phép bỏ sót bất cứ bộ phận nào từ da đầu, kẽ tay chân, xúc miệng, xúc mũi...

Thứ hai: Lấy Wudu, Allah đã phán về vấn đề này rằng:

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا إِذَا قُمْتُمْ إِلَى الصَّلَاةِ فَاغْسِلُوا وُجُوهَكُمْ وَأَيْدِيَكُمْ إِلَى الْمَرَافِقِ وَامْسَحُوا بِرُءُوسِكُمْ وَأَرْجُلَكُمْ إِلَى الْكَعْبَيْنِ﴾ (المائدة: 6)

﴿Hỡi những người có đức tin, khi nào các người muốn dâng lễ nguyện Salah thì các người hãy rửa mặt và hai tay của các người đến cùi chỏ, hãy lau vuốt đầu của các người và hãy rửa hai bàn chân của các người đến mắt cá.﴾ Al-Maa-idah: 6 (Chương 5).

Qua câu kinh mỗi khi lấy Wudu cần phải chú tâm đến những vị trí sau:

- Rửa mặt gồm có xúc miệng và xúc mũi.
- Rửa hai tay cho đến khỏi cùi chỏ.
- Chùi nguyên cả đầu cộng với chùi hai lỗ tai.
- Rửa đôi chân cho đến khỏi mắt cá.

Việc tẩy rửa quần áo và nơi hành lễ Salah là phải giữ được quần áo và nơi hành lễ luôn sạch sẽ tránh khỏi mọi điều ô uế, dơ bẩn như nước tiểu, phân...

Tayammum

Giáo lý của Allah luôn có sự giảm nhẹ, tạo sự dễ dàng cho người Muslim. Một khi bất lực không tìm

được nước hoặc không thể sử dụng nước do bệnh (hoặc lý do nào đó) thì người Muslim được phép chuyển sang dùng đất (cát hoặc bề mặt vật dụng có dính bụi) sạch để thay thế việc dùng nước.

Cách thức như sau: Dùng đôi bàn tay vỗ xuống bề mặt đất một lần rồi chùi đều lên mặt, rồi dùng tay trái chùi lên mu lưng tay phải và ngược lại, như Allah đã di huấn:

﴿فَلَمْ تَجِدُوا مَاءً فَتَيَمَّمُوا صَعِيدًا طَيِّبًا فَامْسَحُوا بِوُجُوهِكُمْ وَأَيْدِيكُمْ مِنْهُ﴾
(المائدة: 6)

﴿**Một khi các người không tìm được nước thì hãy Tayammum trên mặt đất sạch. Dùng đôi bàn tay (sau khi đã vỗ xuống đất một lần) chùi đều lên gương mặt rồi đến đôi bàn tay của các người.**﴾ Al-Maa-idah: 6 (Chương 5).

Ông A'mmaar رضي الله عنه kể: Tôi được Rasul ﷺ phái đi làm nhiệm vụ, lần đó tôi bị Junub nhưng không tìm đâu ra nước để tắm, thế là tôi lăn xuống đất giống như một con vật tắm đất vậy. Xong nhiệm vụ trở về tôi kể sự việc cho Người nghe thì Người bảo:

((إِنَّمَا يَكْفِيكَ أَنْ تَقُولَ بِيَدَيْكَ هَكَذَا))

“Chỉ cần anh dùng đôi bàn tay làm thế này là đủ rồi.” Thế là Người dùng đôi bàn tay vỗ xuống đất một lần, rồi Người chùi đều lên mặt và hai mu bàn tay phải trái. Hadith do Al-Bukhary và Muslim ghi lại.

Những buổi Lễ Salah Bắt Buộc


Giáo lý Islam bắt buộc mỗi tín đồ Muslim phải hành lễ Salah trong ngày đêm năm lần, gồm: Salah Al-Sub-h (còn gọi là Al-Fajr), Salah Al-Zhuhr, Salah Al-A'sr, Salah Al-Maghrib và Salah Al-I'sha. Giờ giấc được phân tích tận tường như sau:

- 1- Salah Al-Sub-h (còn gọi là Al-Fajr) tức rạng đông: Gồm có hai Rak-at, thời gian tính từ sự xuất hiện của vạch sáng ở hướng đông vào khoảng khắc cuối cùng của đêm cho đến mặt trời mọc.
- 2- Salah Al-Zhuhr tức buổi trưa: Gồm có bốn Rak-at, thời gian được tính từ sau mặt trời nghiêng bóng cho đến bóng của mỗi vật đều bằng chính nó.
- 3- Salah Al-A'sr tức buổi chiều: Gồm có bốn Rak-at, thời gian tính từ sau giờ Salah Al-Zhuhr hết cho tới khi ánh nắng mặt trời đã ngả vàng, có thể đình trệ đến lúc mặt trời lặn trong trường hợp bất đắc dĩ.
- 4- Salah Al-Maghrib tức buổi hoàng hôn: Gồm có ba Rak-at thời gian được tính từ lúc mặt trời lặn cho tới ánh hoàng hôn hoàn toàn biến mất.
- 5- Salah Al-Isha tức buổi tối: Gồm có bốn Rak-at, thời gian được tính từ lúc ánh hoàng hôn hoàn toàn biến mất cho tới nửa đêm.

Cách Thức Hành Lễ Salah

Sau khi đã có nước Wudu hoàn hảo, tẩy sạch sẽ quần áo và nơi hành lễ Salah, đồng thời cũng đến giờ dâng lễ Salah. Đối với nam tối thiểu phải che từ rún cho đến khỏi đầu gối còn với nữ phải che toàn thân ngoại trừ gương mặt và đôi bàn tay thì không cần che. Tiếp đó, mặt hướng về Qiblah (tức hướng về Ka'bah tại thánh địa Makkah tại Ả-rập Xê Út) còn ở Việt Nam Qiblah nằm trùng với hướng tây tức hướng mặt trời lặn.

Kế tiếp, định tâm cho lễ Salah định thực hiện và sự định tâm chỉ cần trong tâm bạn biết là bạn thực hiện Salah gì, Salah bắt buộc hay khuyến khích là đủ chứ không cần phải nói bất cứ lời nào cả hoặc có thể định tâm trước đó cũng được, rồi làm theo những bước dưới đây:

 **Bước một:** Tiếp sau đó, đứng thẳng người, giơ hai bàn tay lên ngang vai (hoặc ngang trái tai), hai bàn tay xòe ra, các ngón tay khép lại, lòng bàn tay hướng về phía trước, mắt nhìn xuống nơi quỳ lại đồng thời nói Takbeer Al-Ehraam:

الله أكبر

(Ol lo hu ak bar)⁽¹⁾

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** Allah vĩ đại nhất.

🌀 **Bước hai:** Tiếp sau đó, khoanh hai tay lại đặt tay phải trên tay trái và đặt trên lòng ngực.

🌀 **Bước ba:** Khuyến khích đọc Du-a' Al-Istiftaah như:

((سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِكَ، وَتَبَارَكَ اسْمُكَ، وَتَعَالَى جَدُّكَ وَلَا إِلَهَ
غَيْرُكَ))

(Sub ha na kol lo hum ma wa bi ham dik, wa ta baa ro kas muk, wa ta a' la jad duk wa la i la ha ghai ruk)⁽¹⁾

Hoặc đọc câu:

((اللَّهُمَّ بَاعِدْ بَيْنِي وَبَيْنَ خَطَايَايَ، كَمَا بَاعَدْتَ بَيْنَ الْمَشْرِيقِ
وَالْمَغْرِبِ. اللَّهُمَّ نَقِّنِي مِنْ خَطَايَايَ، كَمَا يُنَقِّي الثَّوْبَ الْأَبْيَضَ مِنَ
الدَّنَسِ. اللَّهُمَّ اغْسِلْ لِي مِنَ خَطَايَايَ بِالْثَّلْجِ وَالْمَاءِ وَالْبَرَدِ))

“Ol lo hum ma ba i'd bay ny wa bay na kho to ya ya, ka ma ba a'd ta bay nal mash riq wal magh rib. Ol lo hum ma na qi ny min kho ta ya ya, ka ma yu naq qoth thaw bul ab yadh mi nad da nas. Ol lo hum magh sil ny min kho to ya ya bith thal ji wal ma i wal ba rad.”⁽²⁾

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** “Vinh quang thay Allah và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương, may mắn thay Đại Danh của Ngài, tối cao thay uy quyền của Ngài và không có Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Ngài.”

⁽²⁾ **Ý nghĩa:** {Lạy Allah! Cầu xin Ngài hãy cách xa giữa bề tôi và tội lỗi giống như Ngài đã cách xa hai hướng đông và tây. Hãy

🌀 **Bước bốn:** Tiếp theo đọc hai câu:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

(A u' zu bil la hi mi nash shay to nir ro j.i.m)⁽¹⁾

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

(Bis mil la hir roh ma nir ro h.i.m)⁽²⁾

Tiếp theo đọc bài Al-Faatihah như sau:

﴿الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١﴾ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿٢﴾ مَلِكِ يَوْمِ الدِّينِ ﴿٣﴾ إِيَّاكَ
نَعْبُدُ وَإِيَّاكَ نَسْتَعِينُ ﴿٤﴾ هِدَا الْصِّرَاطَ الْمُسْتَقِيمَ ﴿٥﴾ صِرَاطَ الَّذِينَ أَنْعَمْتَ
عَلَيْهِمْ غَيْرِ الْمَغْضُوبِ عَلَيْهِمْ وَلَا الضَّالِّينَ ﴿٧﴾﴾ آمِينَ

﴿Al ham du lil la hi rab bil a' la m.i.n * Ar roh ma nir ro h.i.m * Ma li ki yaw mid d.i.n * I ya ka na' bu du wa i ya ka nas ta i'.n * Eh di nos si ro tol mus ta q.i.m * Si ro

tây sạch tội lỗi cho bề tôi giống như tẩy chất dơ ra khỏi áo trắng và hãy tẩy rửa bề tôi được sạch tội lỗi (như được tắm sạch) bằng nước tinh khiết.}

- (¹) **Ý nghĩa:** Cầu xin Allah che chở bề tôi tránh khỏi sự quấy nhiễu của Shayton đáng bị nguyên rủa.
- (²) **Ý nghĩa:** Nhân danh Allah Đấng rất mực độ lượng, Đấng rất mực khoan dung.

Đạy Hành Lễ Salah

tol la zi na an a'm ta a' lay him ghoy ril magh du bi a' lay him wa lodh dh.o.l l.i.n» A min⁽¹⁾

@ **Chú ý:** Những chữ như “j.i.m, h.i.m, m.i.n, d.i.n, i.n, q.i.m, dh.o.l, l.i.n” phải đọc kéo dài còn chữ “him” thì đọc dừng dứt khoát và những chữ “a', i'.n, na” thì đọc nhấn giọng.

🌸 **Bước năm:** Khi đọc xong bài Faatihah và khuyến khích đọc thêm chương Qur'an khác điển hình như:

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ﴿١﴾ اللَّهُ الصَّمَدُ ﴿٢﴾ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ﴿٣﴾
﴿وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ﴾ ﴿٤﴾

Bis mil la hir rah maa nir ro h.i.m ﴿Qul hu wol lo hu a had * Ol lo hus sa mad * lam ya lid wa lam yu lad * wa lam ya kul la hu ku fu wan a had﴾⁽¹⁾

(1) **Ý nghĩa:** ﴿Mọi lời ca ngợi, tán dương đều kính dâng Allah Đấng chúa tể của toàn vũ trụ * Đấng rất mực độ lượng, Đấng rất mực khoan dung * (Allah là) Đức Vua của ngày phán xử * Duy chỉ Ngài chúng tôi tôn thờ và cũng duy chỉ Ngài chúng tôi cầu xin sự giúp đỡ * Cầu xin Ngài hãy hướng dẫn bề tôi đến với con đường chính đạo * Con đường của những người đã được Ngài ban ân sủng (con đường Islam) chứ không phải con đường của những kẻ làm Ngài phẫn nộ (người Do Thái giáo) cũng không phải con đường của những kẻ làm đường lạc lối (người Thiên Chúa giáo)﴾ Cầu xin Allah chấp nhận lời cầu xin!

Hoặc đọc bất cứ đoạn kinh nào khác nếu thuộc.

❁ **Bước sáu:** Sau khi đọc xong giờ hai bàn tay lên ngang vai (hoặc ngang trái tai) lòng bàn tay hướng về trước nói “Ol lo hu ak bar” và cúi người về trước 90 độ, hai bàn tay nắm lấy hai đầu gối, đầu và lưng thẳng mắt nhìn xuống nơi quỳ lại được gọi là Ruku’ và đọc ba lần câu:

سُبْحَانَ رَبِّيَ الْعَظِيمِ

(Sub ha na rab bi yal a’ z.i.m)⁽²⁾

@ **Chú ý:** Mỗi lần thay đổi động tác đều phải nói “Ol lo hu ak bar” ngoại trừ động tác trong bước ba thì nói khác.

❁ **Bước bảy:** Kế tiếp đứng thẳng người trở lại đồng thời giờ hai bàn tay lên ngang vai (hoặc ngang trái tai) lòng bàn tay hướng về trước và nói:

سَمِعَ اللَّهُ لِمَنْ حَمِدَهُ

(Sa mi Ol lo hu li man ha mi dah)⁽¹⁾

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** ﴿Hãy nói đi (Muhammad) rằng Ngài là Allah, Đấng Duy nhất * Allah là Đấng Tự hữu (không phụ thuộc vào bất cứ thứ gì mà mọi tạo vật phải phụ thuộc vào Ngài) * Ngài không sinh ra ai * cũng không do ai sinh ra * và không có thứ gì có thể so sánh với Ngài.﴾


⁽²⁾ **Ý nghĩa:** {Vinh quang thay Thượng Đế của tôi, Ngài thật vĩ đại!}

Kế tiếp xuôi hai tay xuống và nói tiếp.

رَبَّنَا وَلَكَ الْحَمْدُ، حَمْدًا كَثِيرًا، طَيِّبًا مُبَارَكًا فِيهِ مِلءَ السَّمَاوَاتِ،
وَمِلءَ الْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا، وَمِلءَ مَا شِغَتْ مِنْ شَيْءٍ بَعْدُ

(Rab ba na wa la kal ham du, ham dan ka thi ron, tai yi ban mu baa ra kan fi hi, mil as sa ma wa ti, wa mil al ar dhi wa maa bai na hu ma, wa mil a maa shi ta min shai in ba'd)⁽²⁾

Riêng Mamoom (tức người hành lễ theo sau Imam) lúc này chỉ bắt buộc nói câu رَبَّنَا وَلَكَ الْحَمْدُ cho đến cuối.

 **Bước tám:** Tiếp theo cúi lạy về phía trước đồng thời nói “Ol lo hu ak bar”, khi lạy bắt buộc trán, mũi, đôi bàn tay, hai đầu gối, các ngón chân phải chạm trực tiếp xuống đất còn hai cù chỏ thì đưa lên không được để chạm đất và giang hở với hai hông; hai đùi giang rộng khỏi bụng và khỏi hai bắp chuối ống quyển và nói ba lần câu:

(1) **Ý nghĩa:** {Allah hằng nghe thấy tất cả lời ca ngợi của ai tán dương ca tụng Ngài.}

(2) **Ý nghĩa:** {Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Mọi lời ca ngợi tán dương là của Ngài, chỉ vì Ngài mà bầy tôi thành tâm ca tụng và ngày càng nhiều hơn, trong các tầng trời, dưới đất và vạn vật giữa chúng đầy ắp (lời ca tụng tán dương Ngài), và đất ắp cả những gì Ngài muốn sau đó.}

سُبْحَانَ رَبِّيَ الْأَعْلَى

(Sub ha na rab bi yal a' la)⁽¹⁾

Lúc này là thời điểm thích hợp cầu xin thêm bất cứ điều gì muốn, bằng bất cứ ngôn ngữ gì biết được.

🌀 **Bước chín:** Tiếp theo ngồi dậy và nói “Ol lo hu ak bar”, khi ngồi mông đặt trên lòng bàn chân trái, bàn chân phải dựng đứng lên hoặc để xuôi ra phía sau, hai bàn tay kép lại đặt trên đầu gối, mắt nhìn xuống nơi quỳ lạy và nói:

رَبِّ اغْفِرْ لِي، رَبِّ اغْفِرْ لِي اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَأَرْحَمْنِي، وَاهْدِنِي،
وَأَجْبُرْنِي، وَعَافِنِي وَأَرْزُقْنِي، وَأَرْفَعْنِي

(Rab bigh fir ly, rab bigh fir ly, Ol lo hum magh fir ly, war ham ny, wah di ny, waj bur ny, wa a' fi ny, war zuq ny, war fa' ny.)⁽²⁾

🌀 **Bước mười:** Tiếp theo là cúi lạy thêm lần nữa và nói “Ol lo hu ak bar” rồi làm giống như lần quỳ lạy trước. Đến đây bạn đã thực hiện xong một Rak-at.

(¹) **Ý nghĩa:** {Vinh quang thay Thượng Đế của tôi, Ngài thật tối cao!}

(²) **Ý nghĩa:** {Lạy Thượng Đế! Cầu xin hãy dung thứ tội lỗi cho bề tôi. Lạy Allah! Cầu xin hãy dung thứ, khoan dung độ lượng và dẫn dắt bề tôi. Cầu xin Ngài ban cho bề tôi phú quý, sự lành mạnh, bổng lộc và nâng cao địa vị của bề tôi (ở trần gian và ngày sau).}

🌀 **Bước mười một:** Tiếp theo đứng thẳng người trở lại bước vào Rak-at thứ hai, lúc này làm giống hết lần đứng ở Rak-at đầu tiên như hai tay khoanh lại đặt trên lòng ngực, rồi đọc bài Al-Faatihah và đọc thêm chương kinh nào khác, rồi Ruku' (tức cúi người về trước 90⁰), rồi đứng thẳng trở lại, rồi quỳ lạy, rồi ngòai dậy, rồi quỳ lạy lần nữa.

🌀 **Bước mười hai:** Sau khi đã quỳ lạy theo lần thứ hai ở Rak-at thứ hai ngòai lại giống như cách ngòai giữa hai lần quỳ lạy để đọc bài At-Tahiya sau:

التَّحِيَّاتُ لِلَّهِ، وَالصَّلَوَاتُ وَالطَّيِّبَاتُ، السَّلَامُ عَلَيْكَ أَيُّهَا النَّبِيُّ وَرَحْمَةُ اللَّهِ
وَبَرَكَاتُهُ، السَّلَامُ عَلَيْنَا وَعَلَى عِبَادِ اللَّهِ الصَّالِحِينَ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا
اللَّهُ وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ

(At ta hi da tu lil lah, wos so la wa tu wat toy yi b.a.t

As sa la mu a' lay ka ay yu han na bi yu va roh ma tul lo
hi wa ba ro ka tuh

As sa la mu a' lay na wa a' la i' ba dil la his so li h.i.n

Ash ha du al la i la ha il lol loh wa ash ha du an na Mu
ham ma dan ab du hu wa ro su luh.)⁽¹⁾

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** {Mọi điều bình an, tốt đẹp và những hành động tôn thờ là của Allah. Cầu xin Ngài ban bình an, sự khoan dung và phúc lành cho Nabi, cho chúng tôi và cho tất cả những người đạo hạnh trong số bầy tôi ngoan đạo của Ngài. Tôi xác nhận không có Thượng Đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có

Đạy Hành Lễ Salah

Đến đây nếu bạn dâng lễ Salah có hai Rak-at như Al-Fajr hoặc Salah Al-Jumu-a' h vào thứ sáu hoặc hai lễ Salah ngày tết thì tiếp tục ngồi đọc thêm bài Salawaat cho Nabi ﷺ như sau:

اللَّهُمَّ صَلِّ عَلَى مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِ مُحَمَّدٍ، كَمَا صَلَّيْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ
وَعَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ. اللَّهُمَّ بَارِكْ عَلَى مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِ
مُحَمَّدٍ، كَمَا بَارَكْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ وَعَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ

(Ol lo hum ma sol li a' la Mu ham mad wa a' la a li Mu ham mad, ka ma sol lay ta a' la ib ro h.i.m wa a' la a li ib ro h.i.m, in na ka ha mi dum ma j.i.d

Ol lo hum ma ba rik a' la Mu ham mad wa a' la a li Mu ham mad, ka ma ba rak ta a' la ib ro h.i.m wa a' la a li ib ro h.i.m, in na ka ha mi dum ma j.i.d)⁽¹⁾

Kế tiếp nên cầu xin thêm câu:

((اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَمِنْ عَذَابِ جَهَنَّمَ، وَمِنْ فِتْنَةِ
الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ، وَمِنْ شَرِّ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ))

Allah và xin chúng nhận Muhammad là bề tôi và cũng là vị Thiên Sứ của Ngài. }

- (¹) **Ý nghĩa:** {Lạy Allah! Cầu xin hãy ban sự bình an và phúc lành cho Nabi Muhammad và dòng tộc của Người giống như Ngài đã ban cho Nabi Ibrahim và dòng tộc của Người. Quả thực, Ngài là Đáng Tối Cao và Rộng Lượng. }

Đạy Hành Lễ Salah

(Ol lo hum ma in ny a u' zu bi ka min a' za bil qab ri, wa min a' za bi ja ham nam, wa min fit na til mah ya wal ma maat, wa shar ri fit na til ma si hid daj jaal.)⁽¹⁾

Kế tiếp được phép cầu xin bất cứ gì muốn, bằng bất cứ ngôn ngữ nào biết được dù trong buổi lễ bắt buộc cũng như Sunnah (khuyến khích, tự nguyện).

@ **Chú ý:** Khi ngời đọc bài At-Tahiya và Salawaat cho Nabi ﷺ thì chạm hai đầu ngón cái và ngón giữa của tay phải lại, ngón trỏ chỉ thẳng về phía trước, các ngón khác xếp xuôi theo chiều của ngón giữa và đặt trên đầu gối.

Kế tiếp, xoay mặt về bên tay phải và đọc:

السَّلَامُ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَةُ اللَّهِ

(As sa la mu a' lay kum va roh ma tul loh)⁽²⁾

Rồi xoay mặt về bên tay trái và nói câu trên.

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** {Lạy Allah! Quả thực, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự hành phạt trong ngôi mộ và trong địa ngục, tránh khỏi mọi thử thách cám dỗ trong cuộc sống trần gian, trước khi chết và tránh mọi điều xấu khi Dajjaal xuất hiện. }

⁽²⁾ **Ý nghĩa:** {Cầu xin Allah ban sự bình an, sự khoan dung của Ngài cho các bạn. }

Nếu bạn hành lễ Salah có ba Rak-at như Al-Maghrib hoặc có bốn Rak-at như Al-Zuhr, Al-A'sr và Al-Isha thì tiếp tục đứng dậy và nói “Ol lo hu ak bar” để thực hiện Rak-at thứ ba và thứ tư.

Chú ý, ở Rak-at thứ ba và thứ tư chỉ đọc mỗi bài Al-Faatihah xong là Ruku', còn lại làm giống hệt như hai Rak-at thứ nhất và thứ hai. Riêng lần ngồi ở Rak-at cuối cùng của Salah Al-Maghrib hoặc Al-Zuhr, Al-A'sr và Al-Isha thì ngồi đặt mông lên mặt đất, chân trái sang phải nằm dưới chân phải và chân phải xếp xuôi ra sau, bàn chân thì dựng đứng lên hoặc để xuôi. Tiếp theo đọc bài At-Tahiya và đọc tiếp Salawaat cho Nabi ﷺ, rồi cầu xin theo hướng dẫn ở buổi lễ có hai Rak-at.

Đến đây bạn đã hoàn thành buổi lễ Salah.

Salah Tập Thể

Hành lễ tập thể (tại các Masjid) tốt hơn hành lễ Salah một mình đến hai mươi bảy lần, và rất quan trọng đối với cộng đồng Islam như được ghi nhận trong bộ Saheeh Al-Bukhary và Muslim, từ con trai của U'mar dẫn lời Rasul ﷺ rằng:

((لَقَدْ هَمَمْتُ أَنْ أَمُرَ بِالصَّلَاةِ فَتُقَامَ ثُمَّ أُخَالِفَ إِلَى مَنَازِلِ قَوْمٍ لَا يَشْهَدُونَ
الصَّلَاةَ فَأَحْرَقَ عَلَيْهِمْ))

“Ta đã từng có ý định ra lệnh ai đó đứng dẫn hành lễ Salah thay Ta, rồi Ta sẽ đi tìm đến nhà những kẻ không chịu tham dự hành lễ Salah tập thể để đốt nhà của chúng.” Nếu việc không đến tham dự hành lễ Salah tập thể là phạm phải tội lỗi là Rasul ﷺ đã không muốn đốt nhà của những người không tham gia hành lễ tập thể rồi và Allah đã phán:

﴿وَأَقِيمُوا الصَّلَاةَ وَآتُوا الزَّكَاةَ وَارْكَعُوا مَعَ الرَّاكِعِينَ﴾ البقرة: ٤٣

﴿Và hãy dâng lễ Salah một cách chu đáo, đóng Zakat bắt buộc và hãy cúi lạy cùng với tập thể (trong các Masjid)﴾ Al-Baqarah: 43 (chương 2).

Qua hai bằng chứng vừa nêu chứng tỏ việc hành lễ Salah tập thể tại Masjid là nhiệm vụ của mỗi tín đồ Muslim.

Salah Al-Jumu-a’h (Thứ Sáu)

Tôn giáo Islam luôn khuyến khích các tín đồ tập trung, hợp mặt lại với nhau để tạo thêm mối quan hệ giữa họ, đồng thời lên án chỉ trích kịch liệt việc chia rẽ và tự tách li. Thứ sáu là ngày tết của người Muslim, họ phải nhanh chân tập trung lại tại các Masjid để thi hành một trong những nhiệm vụ của tín đồ Muslim và bỏ mặc trần gian trong khoảng khắc đó. Tại các Masjid họ

Đạy Hành Lễ Salah

phải im lặng để lắng nghe lời khuyên, lời nhắc nhở, lời chỉ đạo của người thuyết giảng, của U'lama học giả Islam. Đây là bài học hàng tuần của người Muslim nhằm khẳng định lại tính Tawhid (thuyết độc tôn Allah duy nhất), nhằm làm sống lại những con tim đã chết, đánh thức những ai đang ngủ quên, gieo trồng tình yêu Allah, tình yêu Rasul ﷺ vào lòng tín đồ Muslim và để qui phục Allah và Rasul ﷺ, Allah phán:

﴿يَتَأْتِيهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا إِذَا نُودِيَ لِلصَّلَاةِ مِنْ يَوْمِ الْجُمُعَةِ فَاسْعَوْا إِلَىٰ ذِكْرِ اللَّهِ وَذَرُوا الْبَيْعَ ذَلِكُمْ خَيْرٌ لَكُمْ إِنْ كُنْتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٩﴾ فَإِذَا قُضِيَتِ الصَّلَاةُ فَانْتَشِرُوا فِي الْأَرْضِ وَابْتَغُوا مِنْ فَضْلِ اللَّهِ وَاذْكُرُوا اللَّهَ كَثِيرًا لَعَلَّكُمْ تُفْلِحُونَ ﴿١٠﴾﴾ (سورة الجمعة: 9 - 10)

﴿Hỡi những ai có đức tin, khi tiếng Azan được cất lên gọi các người đến dâng lễ nguyện Salah Al-Jum'ah vào ngày thứ sáu thì các người hãy tạm gác lại việc mua bán mà nhanh chân đến (Masjid) để tưởng nhớ Allah. Đó là việc tốt đẹp cho các người nếu các người nhận thức được * Rồi khi cuộc dâng lễ chấm dứt, hãy tản mác (khắp nơi) trên mặt đất đi tìm thiên lộc của Allah và hãy nhớ đến Allah cho thật nhiều để may ra các người được thành công﴾
Al-Jumu-a'h: 9 - 10 (Chương 62).

Việc hành lễ Salah Al-Jumu-a'h là nhiệm vụ của mỗi tín đồ Muslim trưởng thành, tự do, đang định cư tại quê nhà. Xưa kia, Rasul ﷺ không bỏ việc hành lễ

Đạy Hành Lễ Salah

Salah này và khuyến cáo mạnh mẽ những ai lơ là việc hành lễ thứ sáu, Người nói:

((لَيَنْتَهِيَنَّ أَقْوَامٌ عَن وُدِّعِهِمُ الْجُمُعَاتِ أَوْ لَيَخْتِمَنَّ اللَّهُ عَلَى قُلُوبِهِمْ ثُمَّ لَيَكُونَنَّ مِنَ الْغَافِلِينَ))

“Các người phải cấm cản những ai bỏ không hành lễ Salah Al-Jumu-a’h, nếu không các người sẽ bị Allah niêm kín con tim các người rồi các người sẽ trở thành những kẻ lơ đãnh.” Hadith do Muslim ghi lại.

Nabi ﷺ nói ở Hadith khác:

((مَنْ تَرَكَ ثَلَاثَ جُمُعٍ تَهَاوَنًا طَبَعَ اللَّهُ عَلَى قَلْبِهِ))

“Ai bỏ ba lần hành lễ Salah Al-Jumu-a’h do lơ đãnh, y sẽ bị Allah niêm phong con tim y.” Hadith do Abu Dawood ghi lại.

Salah Al-Jumu-a’h gồm hai Rak-at mà người hành lễ phải hành lễ tập thể tại các Masjid theo sự hướng dẫn của Imam.

Lễ Salah Al-Jumu-a’h chỉ được phép tiến hành tại cách Masjid được hành lễ thường xuyên ngày đêm năm lần. Kể từ khi Imam bước lên bục đứng nói thuyết giảng, bắt buộc tất cả mọi người ngồi bên dưới không được làm bất cứ hành động nào khác ngoại việc phải im lặng lắng nghe kể cả nói chuyện. Chỉ cần nói “Sah” hoặc nói “im lặng” trong lúc Imam đang đọc thuyết giảng thì người nói chẳng được ân phước gì của buổi lễ.

Salah Khi Đi Xa Nhà

Islam luôn quan tâm và thấu hiểu nỗi khó khăn không nhiều thì ít của mỗi người khi rời nhà đi xa, nên bộ giáo lý Islam luôn giảm nhẹ cho những ai rơi vào trường hợp đó như Allah đã phán:

﴿يُرِيدُ اللَّهُ بِكُمُ الْيُسْرَ وَلَا يُرِيدُ بِكُمُ الْعُسْرَ﴾ البقرة: 185

﴿Allah luôn muốn tạo sự dễ dàng cho các người, chứ không hề muốn gây khó khăn cho các người.﴾ Al-Baqarah: 185 (chương 2).

Điểm nổi bật của Islam là ở đây, Islam không hề gây khó khăn cho bất cứ tín đồ nào. Allah chỉ bắt buộc mỗi người chỉ phải gánh chịu vừa sức chịu đựng của bản thân, không bảo cố sức, gắng sức hoặc làm cho cố. Hiểu được việc rời khỏi nhà thường xuyên gặp phải khó khăn nên Allah giảm bớt việc hành lễ Salah dựa theo hai khoản sau:

Thứ nhất: Rút ngắn số lượng Rak-at lại.

Người Muslim đi đường xa được phép rút ngắn những buổi lễ có bốn Rak-at như Salah Al-Zhuhr, Al-A'sr và Al-I'sha lại còn hai Rak-at. Tức chỉ cần hành lễ Salah Al-Zhuhr, Al-A'sr và Al-I'sha mỗi buổi lễ hai

Đạy Hành Lễ Salah

Rak-at là đủ. Còn hai buổi lễ Salah Al-Fajr và Al-Maghrib thì giữa nguyên số lượng Rak-at.

Việc rút ngắn những buổi lễ Salah trong lúc đi đường xa là sự giảm nhẹ của Allah ban cho cộng đồng Islam, Ngài yêu thích ai làm việc này giống như Ngài ghét cay đắng kẻ nào phạm phải điều cấm.

Việc giảm nhẹ này không phân biệt là đi xa bằng phương tiện gì như xe gắn máy, máy bay, tàu, xe lửa, cưỡi động vật hoặc đi bộ... tất cả đều được gọi là đi đường xa nên được phép rút ngắn lễ Salah, miễn sao chuyên đi đó không vì mục đích làm tội lỗi.

Thứ hai: Gom hai buổi Salah lại hành lễ cùng lúc.

Người đi đường xa được phép gom hai buổi Salah lại hành lễ cùng một lúc, gom Salah Al-Zuhr cùng với Al-A'sr và gom Salah Al-Maghrib cùng với Al-I'sha. Tức khi đã đến giờ Salah Al-Zuhr thì hành lễ Salah Al-Zuhr hai Rak-at rồi kết thúc bằng chào Salam, liền ngay sau đó đứng dậy hành lễ Salah Al-A'sr hai Rak-at và kết thúc bằng chào Salam. Trường hợp bận rộn được phép trì hoãn đến giờ Al-A'sr hành lễ cũng được nhưng phải theo thứ tự Al-Zuhr trước rồi đến Al-A'sr sau.

Tương tự khi đến giờ Al-Maghrib thì hành lễ Salah Al-Maghrib ba Rak-at và kết thúc bằng chào Salam, liền ngay sau đó đứng dậy hành lễ Salah Al-

I'sha hai Rak-at và kết thúc bằng chào Salam, có thể hành lễ trong giờ Salah Al-I'sha nếu bận rộn nhưng phải thứ tự Al-Maghrib trước và Al-I'sha sau.

Chú ý: Không được phép gom hai buổi Salah Al-Fajr hành lễ cùng Al-Zuhr hoặc gom Al-A'sr hành lễ cùng Al-Maghrib.

Những Lời Tụng Niệm Sau Salah Bắt Buộc

Theo Sunnah của Nabi Muhammad ﷺ sau mỗi lần Salah bắt buộc Người thường tụng niệm và cầu xin Allah như sau:

1- Đọc ba lần:

((أَسْتَغْفِرُ اللَّهَ))

(As tagh fi rul lah)⁽¹⁾

2- Đọc một lần:

((اللَّهُمَّ أَنْتَ السَّلَامُ، وَمِنْكَ السَّلَامُ، تَبَارَكْتَ، يَا ذَا الْجَلَالِ، وَالْإِكْرَامِ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ.))

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** {Cầu xin Allah tha thứ tội cho bề tôi}.

Đạy Hành Lễ Salah

اللَّهُمَّ لَا مَانِعَ لِمَا أَعْطَيْتَ، وَلَا مُعْطِي لِمَا مَنَعْتَ، وَلَا يَنْفَعُ ذَا الْجَدِّ مِنْكَ الْجُدُّ.
لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ
قَدِيرٌ. لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَلَا نَعْبُدُ إِلَّا إِيَّاهُ، لَهُ التَّيَمُّنَةُ
وَلَهُ الْفُضْلُ وَلَهُ الثَّنَاءُ الْحَسَنُ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ، وَلَوْ كَرِهَ
الْكَافِرُونَ))

(Ol lo hum ma an tas sa lam wa min kas sa lam ta ba rak ta ya zal ja la li wal ik raam. La i la ha il lol lo hu wah da hu la sha ri ka lah, la hul mul ku wa la hul ham du wa hu wa a' la kul li shay in qa-deer. Ol lo hum ma la ma ni a' li ma a' tay ta, wa la mu' tuy ya li ma ma na' ta, wa la yan fa u' zal jad di min kal jad. La i la ha il lol lo hu wah da hu la sha ri ka lah, la hul mul ku wa la hul ham du wa hu wa a' la kul li shay in qa deer. La haw la wa la qu wa ta il la bil lah. La i la ha il lol loh, wa la na' bu du il la i yah, la hun ne' mah wa la hul fodh-1, wa la huth tha na ul huth nu. La i la ha il lol lo hu mukh li si na la hud deen, wa law ka ri hal ka fi roon)⁽¹⁾

(¹) **Ý nghĩa:** {Thưa Allah! Ngài là Đấng Bình An và sự bình an được đến từ Ngài. Thưa Đấng có quyền uy tối cao và rộng lượng Ngài đã ban sự may mắn và hạnh phúc. Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, không tổ hợp Ngài với bất cứ ai hay vật gì, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Thưa Allah! sẽ không có uy quyền nào ngăn

3- Đọc mỗi câu dưới đây ba mươi ba lần:

((سُبْحَانَ اللَّهِ)) (Sub ha nol loh)⁽¹⁾

((الْحَمْدُ لِلَّهِ)) (Al ham du lil lah)⁽²⁾

((اللَّهُ أَكْبَرُ)) (Ol lo hu ak bar)⁽³⁾

Và đọc thêm một lần câu:

cản với những gì Ngài đã ban phát cũng như không có quyền thế nào ban phát trong khi Ngài đã ngăn cấm và cũng không có sự giàu có nào giúp đỡ được bản thân y đối với Ngài (ngoại trừ những việc làm tốt đẹp). Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, không tổ hợp Ngài với bất cứ ai hay vật gì, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn. Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, chúng tôi không tôn thờ (bất cứ thần linh nào) ngoại trừ Ngài (duy nhất), mọi hồng ân, mọi sự ưu đãi và mọi lời ca ngợi tán dương tốt đẹp đều là của Ngài. Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, thành tâm thờ phụng Ngài cho dù có bị bọn ngoại đạo ghét bỏ.) Hadith do Al-Bukhary và Muslim ghi lại.

(¹) **Ý nghĩa:** Vinh quang thay Allah!

(²) **Ý nghĩa:** Mọi lời ca ngợi đều kính dâng Allah!

(³) **Ý nghĩa:** Allah vĩ đại nhất!

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ))

(La i la ha il lol lo hu wah da hu la sha ri ka lah, la hul mul ku wa la hul ham du wa hu wa a' la kul li shay in qa-deer)⁽¹⁾

4- Đọc một lần câu Kinh Al-Kursy:

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ لَهُ مَا فِي السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ﴾ (البقرة: 255)

(¹) **Ý nghĩa:** Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, không tổ hợp Ngài với bất cứ ai hay vật gì, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.

(²) **Ý nghĩa:** Allah, Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Ngài duy nhất, Đáng hằng sống, Đáng tự hữu và nuôi dưỡng vạn vật. Ngài không buồn ngủ và cũng không bao giờ ngủ. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (những tạo vật) của Ngài. Ai có thể biện hộ được (cho bản

5- Đọc mỗi Chương một lần sau Salah Al-Zhuhr, Salah Al-A'sr và Salah Al-I'sha, đọc ba lần sau Salah Al-Fajr và Salah Al-Maghrib:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ﴿١﴾ اللَّهُ الصَّمَدُ ﴿٢﴾ لَمْ يَلِدْ
وَلَمْ يُولَدْ ﴿٣﴾ وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ ﴿٤﴾﴾ ﴿١﴾

thân hoặc cho người khác) nếu như không được lệnh của Ngài? Ngài biết được những điều xảy ra trước và sau họ. Và họ không thể bao quát được sự hiểu biết của Ngài về bất cứ điều gì ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho họ biết. Ngài Vương của Ngài bao trùm cả các tầng trời và trái đất, và việc cai quản trời đất không khó khăn hay nặng nhọc đối với Ngài bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.﴾ Al-Baqarah: 255 (chương 2).

(¹) **Ý nghĩa:** ﴿(Hỡi Muhammad) hãy nói (với những người Do Thái, những người Thiên Chúa Giáo và những kẻ thờ đa thần): Ngài là Allah, Đấng duy nhất, * Allah là Đấng tự hữu, độc lập mà tất cả (vạn vật) phải nhờ vả * Ngài không sinh để ra ai và cũng không do ai sinh ra, * và không một ai (vật gì) có thể so sánh với Ngài đặng.﴾ Chương Al-Ikhlâs.

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ﴿١﴾ مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ﴿٢﴾
وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ﴿٣﴾ وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ﴿٤﴾ وَمِنْ شَرِّ
حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ﴿٥﴾﴾ ﴿١﴾

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ﴿١﴾ مَلِكِ النَّاسِ ﴿٢﴾
إِلَهِ النَّاسِ ﴿٣﴾ مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ﴿٤﴾ الَّذِي يُوَسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ
﴿٥﴾ مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ﴿٦﴾﴾ ﴿١﴾

6- *Đọc mười lần sau Salah Al-Fajr và Salah Al-Maghrib:*

(¹) **Ý nghĩa:** ﴿Hãy nói (hỡi Muhammad): Tôi cầu xin Rabb (Đấng Chúa Tể) của buổi rạng đông che chở * Tránh khỏi sự tác hại của những vật mà Ngài đã tạo * Và khỏi sự tác hại của màn đêm khi nó bao phủ * Và khỏi sự tác hại của những kẻ thối (phù phép) vào những chiếc gút thắt * Và khỏi sự hãm hại của những kẻ đố kỵ khi họ ganh tị.﴾ Chương Al-Falaq.

(²) **Ý nghĩa:** ﴿Hãy nói (hỡi Muhammad): Tôi cầu xin Đấng Chúa Tể của nhân loại * Đức Vua của nhân loại * Thượng Đế của nhân loại * (Che chở) tránh khỏi sự hãm hại của kẻ thù thì thào (lời xúi giục) rồi lẫn mất * Kẻ thì thào (những điều tác hại) vào lòng người * Thuộc loài Jin (ma) và loài người.﴾ Chương Al-Naas

((لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَهُوَ الْحَمْدُ، يُحْيِي، وَيُمِيتُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ))

(La i la ha il lol lo hu wah da hu la sha ri ka lah, la hul mul ku wa la hul ham du wa hu yuh yi wa yu meet wa a' la kul li shay in qa-deer.)⁽¹⁾

7- *Đọc một lần sau Salah Al-Fajr và Salah Al-Maghrib:*

((اللَّهُمَّ أَنْتَ رَبِّي، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، خَلَقْتَنِي، وَأَنَا عَبْدُكَ، وَأَنَا عَلَى عَهْدِكَ، وَوَعْدِكَ، مَا اسْتَطَعْتُ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا صَنَعْتُ، أَبُوءُ لَكَ بِنِعْمَتِكَ عَلَيَّ، وَأَبُوءُ لَكَ بِدُنْيِي، فَاعْفِرْ لِي، فَإِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ))

(Ol lo hum ma an ta rab by la i la ha il la an ta, kho laq ta ny wa a na ab du ka wa a na a' la a'h di ka wa wa' di ka mas ta to' tu, a u' zu bi ka min shar ri ma so na' tu, a bu u la ka bi ne' ma ti ka a' lay ya, wa a bu u la ka bi

(¹) **Ý nghĩa:** Không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Allah duy nhất, không tỏ hợp Ngài với bất cứ ai hay vật gì, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài, Đấng ban cho sự sống và cái chết và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.

zam by fagh fir ly fa in na hu la yagh fa ruz zu nu ba il
la an ta)⁽¹⁾

8- Đọc bảy lần sau Salah Al-Fajr:

((اللَّهُمَّ أَجِرْنِي مِنَ النَّارِ))

(Ol lo hum ma a jir ny mi nan naar)⁽²⁾

9- Đọc bảy lần sau Salah Al-Maghrib:

((اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْجَنَّةَ، اللَّهُمَّ أَجِرْنِي مِنَ النَّارِ))

(Ol lo hum ma in ny as a lu kal jan nah, Ol lo hum ma a
jir ny mi nan naar)⁽¹⁾

(¹) **Ý nghĩa:** (Hỡi Allah! Ngài là Thượng Đế của bẻ tôi, không có Thượng đế nào xứng đáng được thờ phụng mà chỉ có Ngài duy nhất, Ngài đã tạo ra bẻ tôi, và bẻ tôi là nô lệ tôn thờ Ngài. Bẻ tôi xin hứa, xin giao kèo rằng chỉ tôn thờ Ngài duy nhất và làm theo mệnh lệnh của Ngài với tất cả mọi khả năng (có thể), bẻ tôi cầu xin Ngài che chở về những điều xấu xa mà bẻ tôi đã làm. Bẻ tôi xin thừa nhận về những hồng ân mà Ngài đã ban và thừa nhận những tội lỗi mà bẻ tôi đã phạm, vì thế cầu xin Ngài hãy tha thứ cho bẻ tôi. Quả thật, không có ai có khả năng tha thứ tội lỗi (cho bẻ tôi) mà chỉ có Ngài duy nhất.

(²) **Ý nghĩa:** {Hỡi Allah! Bẻ tôi cầu xin Ngài ban cho thiên đàng và cầu xin hãy bảo vệ bẻ tôi khỏi lửa địa ngục. }

Chú ý: Những lời tụng niệm này chỉ khuyến khích làm theo chứ không bắt buộc.

Sunnah Al-Rawaatib

Đối với người đang ở tại quê nhà, ngoài năm buổi lễ Salah bắt buộc, khuyến khích người Muslim nam và nữ hành lễ Salah thêm mỗi ngày đêm mười hai Rak-at, chi tiết gồm:

Bốn Rak-at trước Al-Zuhr, hai Rak-at sau Al-Zuhr, hai Rak-at sau Al-Maghrib, hai Rak-at sau Al-I'sha và hai Rak-at trước Al-Fajr.

Mẹ của nhóm người có đức tin, mẹ của Habeebah bà Ramlah bint Abu Suffaan ﷺ kể: Tôi nghe được Rasul ﷺ nói rằng:

((مَا مِنْ عَبْدٍ مُسْلِمٍ يُصَلِّيَ لِلَّهِ تَعَالَى كُلَّ يَوْمٍ ثِنْتَيْ عَشْرَةَ رُكْعَةً تَطَوُّعًا غَيْرَ الْفَرِيضَةِ، إِلَّا بَنَى اللَّهُ لَهُ بَيْتًا فِي الْجَنَّةِ، أَوْ إِلَّا بُنِيَ لَهُ بَيْتٌ فِي الْجَنَّةِ))

“Một khi một bề tôi Muslim hành lễ Salah Sunnah thêm mười hai Rak-at vì Allah, ngoài năm lần bắt buộc trong ngày đêm, y sẽ được Ngài xây cho một căn biệt thự trên thiên đàng hoặc y sẽ được xây cho

⁽¹⁾ **Ý nghĩa:** Hỡi Allah! Bề tôi cầu xin Ngài ban cho thiên đàng và cầu xin hãy bảo vệ bề tôi khỏi lửa địa ngục.

một căn biệt thự trên thiên đàng.” Hadith do Muslim ghi lại.

Trong lúc đi đường xa thì Rasul ﷺ không hành lễ Salah Sunnah Al-Zhuhr, Al-Maghrib và Al-I’sha, riêng Salah Sunnah trước Al-Fajr và Salah Al-Witr thì Người không hề bỏ. Là người Muslim chân chính chỉ cần hành đạo theo cung cách của Rasul ﷺ là đủ như Allah đã di huấn:

﴿لَقَدْ كَانَ لَكُمْ فِي رَسُولِ اللَّهِ أُسْوَةٌ حَسَنَةٌ﴾ الأحزاب: ۲۱

﴿Chắc chắn trong các người có vị Rasul của Allah, Y là một gương đạo đức mẫu mực.﴾ Al-Ahzaab: 21(chương 33).

Rasul ﷺ nói ở Hadith:

((صَلُّوا كَمَا رَأَيْتُمُونِي أُصَلِّي))

“Các người hãy hành lễ Salah giống y như cách hành lễ Salah của Ta.” Hadith do Al-Baihaqy ghi lại.

Allah là Đấng duy nhất ban mọi thành đạt, cuối cùng cầu xin bình an và phúc lành cho Nabi Muhammad, cho dòng dõi và tất cả bằng hữu của Người.

Tác giả

Tiền sĩ Abdullah bin Ahmad bin Aly bin Al-Zaid

Dịch Thuật

Abu Hisaan Ibnu Ysa

Mục Lục

Chủ Đề	Trang
❁ Lời nói đầu của lần in thứ hai	3
❁ Lời nói đầu của lần in thứ nhất	5
❁ Lời mở đầu	7
✂ Rukun (nền tảng) thứ nhất	7
✂ Rukun (nền tảng) thứ hai và thứ ba	13
✂ Rukun (nền tảng) thứ tư	15
✂ Rukun (nền tảng) thứ năm	15
❁ Tầm quan trọng của lễ Salah	16
❁ Tẩy rửa	22
❁ Tâymmum	23
❁ Những buổi Salah bắt buộc	24
❁ Cách thức hành lễ Salah	25
❁ Salah tập thể	37
❁ Salah Al-Jumu-a'h (thứ sáu)	38
❁ Salah khi đi xa nhà	40

Đạy Hành Lễ Salah

❁ Những lời tụng niệm sau Salah bắt buộc	42
❁ Sunnah Al-Rawaatib	51
❁ Mục lục	53